TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10-6-2022
V/v xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông **Vũ Quang Sáng.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Ngô Thị Hoa.**
Ông **Lý Trung Hiếu.**

- Thư ký phiên toà: Bà **Bùi Thị Huyền** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Bà **Đỗ Thị Bích Ngọc** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 về việc xin ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10-5-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/5/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị G, sinh năm 1985. Vắng mặt có lý do
Trú quán: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn theo sự giới thiệu của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái: Bà Nguyễn Thị Duy – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn C, sinh năm 1989. Vắng mặt không có lý do
Trú quán: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/4/2022 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Đặng Thị G trình bày: Chị và chị Đỗ Văn C kết hôn với nhau từ năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có tình cảm yêu thương nhau. Vợ chồng có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 14/12/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng về làm ăn, sinh sống tại thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc, đến tháng 11 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp, bất

đồng quan điểm sống, anh C không tu chí làm ăn, thường xuyên tụ tập bạn bè, không chăm lo cho gia đình. Từ đó vợ chồng xẩy ra cãi, chửi nhau. Từ tháng 11 năm 2021 đến nay anh C bỏ ra ngoài thuê nhà ở riêng. Từ đó vợ chồng sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay chị G xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh C nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh C có một người con chung là Đỗ Minh H, sinh ngày 14/10/2016. Hiện nay cháu H đang ở cùng với chị G, khi ly hôn chị G có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Đỗ Văn C đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần để anh C thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập nhưng anh C đều vắng mặt không có lý do chính đáng và không gửi văn bản cho Tòa án nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị G.

Ngày 05/5/2022 Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về nơi cư trú của anh C, tình trạng hôn nhân của chị G và anh C.

Tại phiên tòa hôm nay người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: Anh C và chị G là vợ chồng hợp pháp từ năm 2015. Quá trình chung sống ban đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân 6 tháng nay, không còn tình cảm với nhau nữa. Nay chị G xin ly hôn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị G được ly hôn với anh C. Về con chung giữa chị G và anh C có 01 con chung là Đỗ Minh H, sinh ngày 14/10/2016 hiện cháu đang ở với chị G, do chị G chăm sóc, nuôi dưỡng, anh C không chăm lo gì đến con. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Đỗ Minh H cho chị Đặng Thị G được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị G không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí do chị G là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kính tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Pháp lệnh 326 miễn án phí cho chị G.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến cho rằng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh C đều không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, chị G có đơn xin xử vắng mặt, anh C vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần, việc Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị G và anh C là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về Quan hệ hôn nhân, giải quyết cho chị Đặng Thị G được ly hôn anh Đỗ Văn C; về con chung, giao con chung là Đỗ Minh H, sinh ngày 14/10/2016 cho chị Đặng Thị G được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Đỗ Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Đặng Thị G là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các bên Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đặng Thị G yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn anh Đỗ Văn C và yêu cầu giải quyết việc nuôi con. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn. Chị G, anh C đều trú quán tại xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Đỗ Văn C đã được thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh C đều vắng mặt, chị Đặng Thị G có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử, tại phiên tòa mở vào hồi 11 giờ 40 phút ngày 25/5/2022 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh C vắng mặt không có lý do nên phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Còn chị G có đơn xin xử vắng mặt nên căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự hội đồng xét xử vắng mặt chị G.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Văn C và chị Đặng Thị G kết hôn với nhau từ năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có tình cảm. Vợ chồng có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 14/12/2015, khi đăng ký kết hôn cả anh C và chị G đều đủ điều kiện kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[4] Về mâu thuẫn vợ chồng: Xét thấy quá trình chung sống chị G và anh C không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh C không tu chí làm ăn, thường xuyên tụ tập bạn bè, không chăm lo cho gia đình. Từ đó vợ chồng xảy ra cãi, chửi nhau. Từ tháng 11 năm 2021 đến nay anh C bỏ ra ngoài thuê nhà ở riêng. Từ đó vợ chồng sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là do chị G thực hiện. Tại biên bản xác minh ngày 05/5/2022 của Tòa án

nhân dân huyện Văn Yên xác định nội dung nêu trên là đúng. Điều này vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị G là có căn cứ nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đặng Thị G đối với anh Đỗ Văn C.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một người con chung là Đỗ Minh H, sinh ngày 14/10/2016. Hiện cháu H đang ở với chị G, do chị G nuôi dưỡng, chăm sóc từ nhỏ. Khi ly hôn chị G nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung mà không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Còn anh C không chăm lo gì đến con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử thấy cần giao con chung là Đỗ Minh H, sinh ngày 14/10/2016 cho chị Đặng Thị G được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Anh Đỗ Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Do chị Đặng Thị G là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội. Tuy chị Đặng Thị G là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kính tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên thuộc trường hợp miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 nhưng chị Đặng Thị G không có đơn đề nghị miễn theo quy định tại Điều 14 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 nên buộc chị Đặng Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a,b khoản 2 Điều 227; Điều 228; các điều 147; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị G đối với anh Đỗ Văn C. Chị Đặng Thị G được ly hôn anh Đỗ Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung là Đỗ Minh H, sinh ngày 14/10/2016 cho chị Đặng Thị G được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Long đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Đỗ Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tải sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Buộc chị Đặng Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0001440 ngày 15/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị Đặng Thị G đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại 30 Luật Thi hành án dân sự".*

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND, THADS huyện;
- UBND Đ, H.Văn Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HS,TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Quang Sáng